TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ - ST
Ngày 12-3-2025
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Khánh.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Chu Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Chu Văn T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 13/8/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Văn Xá, huyện Kim Bảng (nay là thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên đến ngày 18 tháng 10 năm 2024, chị đã thuê nhà ra chỗ khác ở riêng không chung sống với anh T nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên

gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Văn T.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Chu Văn T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Hoàng Thị Hn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như chị H đã trình bày. Nay anh T xác định mặc dù vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống li thân, song anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh T thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Chu Thu U, sinh ngày 29/8/2016 và cháu Chu Trung K, sinh ngày 06/01/2020, hiện nay hai cháu đều đang ở với anh T. Tuy nhiên, anh chị không thống nhất được với nhau về việc nuôi con. Chị H xin được nuôi dưỡng cháu U, giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Còn anh T xin được nuôi dưỡng cả hai cháu U và K, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị H và anh T đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H, anh T thống nhất xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H, xử ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Chu Văn T. Về con chung: Giao cháu Chu Thu U cho chị H và giao cháu Chu Trung K cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Chu Văn T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 13/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Văn Xá, huyện Kim Bảng (nay là thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó vợ chồng hay xảy ra xô xát cãi, chửi nhau. Nay

chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh T. Còn anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và anh chị đã li thân nhau từ tháng 10/2024 là thực tế. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị H được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Chị H và anh T có hai con chung là cháu Chu Thu U, sinh ngày 29/8/2016 và cháu Chu Trung K, sinh ngày 06/01/2020, hiện nay hai cháu đều đang ở với anh T. Nguyện vọng của cháu U muốn được ở cùng với cả bố và mẹ. Mặc dù chị H, anh T không thỏa thuận được về việc nuôi dưỡng con chung, song xét thấy cháu U là con gái nên cần được sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của mẹ, còn cháu K là con trai nên cần được sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của bố sẽ đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tâm, sinh lý của các cháu. Vì vậy, để đảm bảo công bằng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cần giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu U, giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng cháu K, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con riêng:* Chị H và anh T không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Chu Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Thu U, sinh ngày 29/8/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Trung K, sinh ngày 06/01/2020 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000230 ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để đối trừ vào tiền án phí chị H phải chịu. (Chị H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Kim Bảng;
- Chi cục THADS thị xã Kim Bảng;
- UBND xã Văn Xá;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo